

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ - ST

Ngày 26/9/2017.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phi.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến.

Ông Nguyễn Văn Vũ.

Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Công Nguyên – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa bà Tạ Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐXX - ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị H có mặt tại phiên tòa. Anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2017 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày: Giữa chị và anh Trần Văn N tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, đã tiến hành đăng ký kết hôn ngày 13/01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Gia T, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N cùng gia đình bố, mẹ chồng, vợ chồng chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 2 năm, đến khi sinh con thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị H là vợ chồng trái ngược quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau. Đến cuối năm 2009 thì vợ chồng chị sống ly thân nhau, từ năm 2009 đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm lẫn tinh thần, xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị H đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: Chị H trình bày giữa chị và anh Trần Văn N trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung tên cháu là Trần Minh Q, sinh ngày 28/02/2007, nếu được ly hôn chị đề nghị để anh N là người trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu Q, vì theo chị cháu Q đã ở với bố từ khi anh chị ly thân cho tới nay. Việc cấp dưỡng nuôi con theo đề nghị của anh N.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H khai vợ chồng không có tài sản và công nợ chung, do vậy không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía anh Trần Văn N, sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ văn bản thông báo thụ lý vụ án cho anh N, thông báo việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để anh N trình bày quan điểm của mình. Tại buổi hòa giải ngày 28/8/2017 anh N nhất trí về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản và công nợ như chị H khai trước tòa, anh N mong muốn đoàn tụ vợ chồng, nhưng nếu chị H trình bày bằng văn bản về thời gian ly thân, chị H làm gì, ở đâu thì anh đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đinh Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện G về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và của các đương sự. Đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Áp dụng Điều 56 khoản 1, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, xử cho chị H được ly hôn anh N, giao cháu Q cho anh N là người trực tiếp nuôi con, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 800.000 đồng/ tháng, từ tháng 10 năm 2017 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Về tài sản và công nợ chung chị H không đề nghị tòa án giải quyết. vì vậy không xem xét giải quyết. án phí dân sự sơ thẩm, chị H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn N có địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng điều 28; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc mở lại phiên tòa hợp lệ, việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không có lý do không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vì phiên tòa đã hoãn lần thứ nhất bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Đinh Thị H và anh Trần Văn N hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tình trạng hôn nhân của vợ chồng như lời trình bày của chị

H tại phiên tòa đã thể hiện rõ: Sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không nhất quán trong quan điểm sống, làm ăn kinh tế gia đình và đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay không quan tâm gì đến nhau đã 8 năm cả về vật chất lẫn tinh thần, chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân của chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị H xin ly hôn đối với anh Trần Văn N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Đinh Thị H thừa nhận quá trình sống chung giữa chị và anh Trần Văn N vợ chồng có 1 con chung, cháu tên là Trần Minh Q, sinh ngày 28/02/2007, nếu được ly hôn chị đề nghị để anh N là người trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu Q, vì theo chị cháu Q đã ở với bố từ khi chị và anh N ly thân. Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi chị H và anh N ly thân, cháu Q do anh N là người trực tiếp chăm sóc giáo dục, để đảm bảo ổn định tâm lý và học tập của cháu Q và theo nguyện vọng của cháu, cần để anh N là người tiếp tục chăm sóc giáo dục cháu Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh N không đề nghị, tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt, còn chị H thì cho rằng việc cấp dưỡng nuôi con theo khả năng kinh tế của chị thì mỗi tháng chị sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Q 500.000 đồng/1 tháng. Vì quyền lợi của cháu Q và trách nhiệm của người mẹ, xét thấy cần thiết buộc chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng với con chung, mỗi tháng 800.000^d cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung chị H không đề nghị tòa án xem xét về quan hệ tài sản và công nợ chung. Tại buổi hòa giải ngày 28/8/2017 anh N cũng thừa nhận không có. Tại bản khai của bà Nguyễn Thị S (mẹ đẻ anh N) là người làm chứng cũng thừa nhận anh N và chị H không có tài sản và công nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét tại phiên tòa.

Về án phí: Chị Đinh Thị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 352, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị H, cho chị Đinh Thị H được ly hôn vắng mặt anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Minh Q, sinh ngày 28.02.2007 cho anh N chăm sóc và nuôi dưỡng, chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 800.000 đồng, kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị H không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Chị Đinh Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2010/04041 ngày 11/7/2017. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS;
- VKS huyện Gia Viễn;
- Toà án tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Gia Thịnh;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THAM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TRẦN THỊ PHI